

Số: 373/QĐ-XHNV-SĐH Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 1233/GD-ĐT ngày 30 tháng 3 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-ĐHQG ngày 18 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023.

Điều 3. Trưởng phòng Sau đại học, Trưởng các phòng/ban, Trưởng các khoa được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

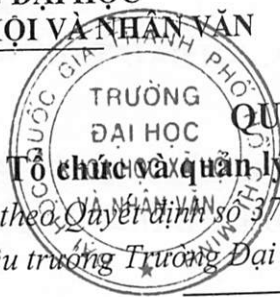
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Lưu HC-TH, SĐH. /



HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Phương Lan



QUY ĐỊNH

Tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 373/XHNV-SDH, ngày 03 tháng 04 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH KHXH&NV), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), bao gồm: quy định chung; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền của cá nhân và đơn vị liên quan; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài và do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo: chính quy. Nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

2. Ngôn ngữ đào tạo là tiếng Việt. Việc đào tạo bằng ngôn ngữ nước ngoài thực hiện theo các quy định hiện hành về việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Đơn vị chuyên môn đề xuất, trình Hiệu trưởng quyết định.

3. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong 04 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, 03 năm học đối với người có bằng thạc sĩ, bảo đảm phù hợp với quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và được ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

4. Nghiên cứu sinh có thể hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng không sớm hơn quá 01 năm (12 tháng). Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, Nhà trường xem xét cho phép nghiên cứu sinh được gia hạn để tiếp tục học tập, nghiên cứu. Tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng). Thời gian đào tạo được tính từ ngày bắt đầu khóa đào tạo theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh đến thời điểm hoàn thành đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Thời gian nghiên cứu sinh được điều động vào lực lượng vũ trang và nghỉ thai sản theo quy định của nhà nước không tính trong thời gian đào tạo.



Chương II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 3. Loại chương trình đào tạo

Các loại chương trình đào tạo trong phạm vi điều chỉnh của Quy định này, bao gồm:

1. Chương trình đào tạo do Trường ĐH KHXH&NV cấp văn bằng:
 - a) Chương trình đào tạo tiến sĩ;
 - b) Chương trình liên thông từ trình độ thạc sĩ lên trình độ tiến sĩ.
2. Chương trình liên kết đào tạo giữa Trường ĐH KHXH&NV và các cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM hoặc giữa Trường ĐH KHXH&NV với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, được chia thành:
 - a) Chương trình do Trường ĐH KHXH&NV cấp văn bằng;
 - b) Chương trình do các bên liên kết cùng cấp văn bằng.

Điều 4. Quy định về chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo do đơn vị chuyên môn xây dựng, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thẩm định và Hiệu trưởng ký ban hành, bảo đảm đạt bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

2. Chương trình đào tạo có khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

3. Cấu trúc chương trình đào tạo bao gồm: các môn học hoặc học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề (sau đây gọi chung là học phần) và luận án tiến sĩ, phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

a) Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

- Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

- Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

- Nghiên cứu sinh phải hoàn thành học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng tối thiểu 20 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ (02 hoặc 03 chuyên đề) là những học phần bắt buộc. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ phải hoàn thành thêm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

b) Luận án tiến sĩ là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý

tường, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể. Khối lượng luận án tiến sĩ ≥ 70 tín chỉ.

4. Chương trình đào tạo phải được rà soát, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 05 năm.

5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là những yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực của nghiên cứu sinh để được công nhận tốt nghiệp; phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo và yêu cầu của các bên liên quan; đáp ứng chuẩn đầu ra quy định cho bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam; làm căn cứ để xây dựng và triển khai chương trình đào tạo.

Điều 5. Phương thức đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện theo hai phương thức:

1. Phương thức 1:

a) Nghiên cứu sinh phải học môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, sử dụng toàn thời gian nghiên cứu khoa học, thực hiện tiểu luận tổng quan, chuyên đề và luận án;

b) Nghiên cứu sinh phải báo cáo tiểu luận tổng quan trong vòng 01 năm (12 tháng) tính từ khi nhập học;

c) Kết quả nghiên cứu: nghiên cứu sinh là tác giả chính công bố tối thiểu 04 bài báo trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN, có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án, trong đó có 03 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là tạp chí WoS/Scopus); các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả).

2. Phương thức 2:

a) Nghiên cứu sinh phải học môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, học các học phần của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực hiện tiểu luận tổng quan, chuyên đề và luận án;

b) Kết quả nghiên cứu:

- Nghiên cứu sinh là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

- Hoặc là tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế và ít nhất 01 bài công bố trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN hoặc 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên (áp dụng cho nghiên cứu sinh tất cả các ngành);

- Các bài báo, báo cáo khoa học, kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phải liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án. Đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án trên cơ sở đề xuất của hội đồng hoặc trưởng bộ môn.

- Các công bố khoa học được thực hiện trong thời gian đào tạo nghiên cứu sinh; tính theo điểm do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định đối với ngành, liên ngành phù hợp với ngành đào tạo của nghiên cứu sinh. Bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án trong thời gian học chương trình liên thông, dự bị tiến sĩ được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức.

3. Trong quá trình học, nghiên cứu sinh được chuyển đổi phương thức đào tạo nhưng phải đáp ứng yêu cầu của phương thức đào tạo muốn chuyển sang và còn trong thời gian đào tạo theo quy định.

Điều 6. Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ thạc sĩ lên trình độ tiến sĩ

1. Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ thạc sĩ lên trình độ tiến sĩ giúp học viên có học lực khá, giỏi rút ngắn thời gian học tập so với tổng thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ của ngành tương ứng.

2. Điều kiện đăng ký và tổ chức đào tạo chương trình liên thông từ trình độ thạc sĩ lên trình độ tiến sĩ thực hiện theo quy định hiện hành của ĐHQG-HCM.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 7. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo: Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

2. Nghiên cứu sinh có thể học một số học phần, tiến hành nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đơn vị khác theo thỏa thuận giữa Trường ĐH KHXH&NV và các cơ sở đào tạo.

Điều 8. Tổ chức đào tạo

1. Đầu khóa học, đơn vị chuyên môn thông báo cho nghiên cứu sinh về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần; kế hoạch học tập, nghiên cứu; các quy định của Nhà trường. Việc thay đổi, điều chỉnh chương trình đào tạo phải thực hiện theo quy định hiện hành; phải được công bố và hướng dẫn cho nghiên cứu sinh trước khi áp dụng.

2. Đơn vị chuyên môn được tổ chức các lớp học trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG-HCM.

3. Việc đánh giá các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ được thực hiện bằng hình thức chấm điểm. Mỗi học phần có hai cột điểm: điểm giữa học phần chiếm 30% tổng điểm, điểm cuối học phần chiếm 70% tổng điểm.

4. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách chấm điểm bài trình bày của nghiên cứu sinh trước tiểu ban đánh giá. Tiểu ban đánh giá gồm ít nhất ba thành viên có học vị tối thiểu từ tiến sĩ trở lên và hiểu biết sâu về chuyên

đề và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, trong đó đại diện tập thể cán bộ hướng dẫn có thể tham gia tiểu ban đánh giá với tư cách là ủy viên.

5. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình đào tạo. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn; tham gia các hoạt động khoa học của đơn vị chuyên môn và của Trường; đơn vị chuyên môn quy định chi tiết về việc nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh tùy theo yêu cầu của ngành đào tạo cụ thể, phù hợp với điều kiện đơn vị.

6. Sau khi đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, đơn vị chuyên môn đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tên đề tài luận án chính thức (nếu tên đề tài có điều chỉnh).

7. Việc chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo, trao đổi nghiên cứu sinh, nghỉ học tạm thời, điều kiện công nhận và chuyển đổi tín chỉ, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy định của Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐH KHXH&NV.

Điều 9. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc điều chỉnh tên đề tài luận án được thực hiện trước khi đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn. Sau khi đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, căn cứ trên kết luận của Hội đồng, ý kiến của cán bộ phản biện độc lập, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tên đề tài luận án chính thức.

2. Việc thay đổi hướng nghiên cứu chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng và nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo theo thời gian quy định, thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có).

3. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có).

Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 10. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập

1. Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn thông qua trong thời gian quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy định này. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày luận án được Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn thông qua, nghiên cứu sinh phải bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

2. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn không vượt quá tổng thời gian đào tạo. Hết thời gian đào tạo, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn thông qua thì Hiệu trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học.

3. Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định.

Điều 11. Công nhận tín chỉ, kết quả học tập và nghiên cứu

1. Người học dự bị tiến sĩ được tích lũy không quá 50% số tín chỉ trong chương trình đào tạo tiến sĩ tương ứng.

2. Chương trình đào tạo liên thông trình độ thạc sĩ - tiến sĩ: đơn vị chuyên môn đề xuất Hiệu trưởng quyết định các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ giảng dạy trong phần trình độ thạc sĩ, các kết quả nghiên cứu được công nhận. Tổng số tín chỉ của các học phần không quá 50% số tín chỉ của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Khung chương trình đào tạo liên thông trình độ thạc sĩ - tiến sĩ phải đảm bảo tổng số tín chỉ tích lũy theo quy định hiện hành.

3. Đối với ngành được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều cơ sở đào tạo trong ĐHQG-HCM, nghiên cứu sinh được quyền đăng ký và tích lũy không quá 25% số tín chỉ học phần giảng dạy ở cơ sở đào tạo khác nếu được cơ sở đào tạo nơi nghiên cứu sinh trúng tuyển đồng ý.

4. Đối với chương trình trao đổi nghiên cứu sinh, số tín chỉ mà nghiên cứu sinh tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% số tín chỉ của chương trình đào tạo. Riêng đối với các cơ sở đào tạo thuộc Đại học quốc gia, số tín chỉ có thể tích lũy không vượt quá 50% số tín chỉ của chương trình đào tạo.

5. Đối với nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo: việc công nhận kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do đơn vị chuyên môn đề xuất Hiệu trưởng quyết định.

6. Nghiên cứu sinh không thể hoàn thành chương trình tiến sĩ và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành; nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của cơ sở đào tạo: việc công nhận kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy do cơ sở đào tạo quyết định, tối đa không quá 50% số tín chỉ của chương trình đào tạo.

7. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng hoặc đơn vị chuyên môn và trong thời gian không quá 7 năm kể từ ngày hoàn thành kết quả học tập, nghiên cứu.

Chương IV

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 12. Yêu cầu chung đối với luận án tiến sĩ và đánh giá luận án

1. Yêu cầu chung đối với luận án tiến sĩ:

a) Luận án tiến sĩ đáp ứng quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 4 của Quy định này. Luận án có khối lượng không vượt quá 200 trang A4, không tính phần phụ lục (nếu có). Hình thức, cách trình bày luận án (xem Phụ lục 2).

b) Ngôn ngữ để viết và trình bày luận án là tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài (một trong các ngôn ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung, Nhật, Hàn).

Trường hợp chọn tiếng nước ngoài để viết và trình bày luận án, nghiên cứu sinh cần có văn bản đề nghị và phải được Hiệu trưởng chấp thuận nhằm đảm bảo các điều kiện cần thiết cho việc đánh giá luận án viết và trình bày bằng tiếng nước ngoài.

c) Đáp ứng quy định của cơ sở đào tạo về mục đích, nội dung, khối lượng, hình thức, cách trình bày, việc trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo;

d) Tuân thủ quy định về kiểm tra trùng lặp dữ liệu của Trường và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Luận án tiến sĩ được đánh giá theo quy trình sau:

a) Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn;

b) Phản biện độc lập luận án;

c) Đánh giá luận án cấp Trường.

Điều 13. Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn

1. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, trong trường hợp Hội đồng họp tới lần thứ ba và đánh giá luận án không thể hoàn thiện, nâng cấp thì Hội đồng đề nghị Hiệu trưởng xem xét không tổ chức Hội đồng lần tiếp theo; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham dự buổi đánh giá (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

2. Nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành các học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề theo quy định tại Điều 4 và Điều 5;

b) Đã hoàn thành luận án tiến sĩ đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 12;

c) Đã công bố kết quả nghiên cứu theo quy định tại Điều 5;

d) Đã thực hiện các nhiệm vụ của nghiên cứu sinh theo quy định của Trường;

đ) Tập thể người hướng dẫn hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đề nghị cho nghiên cứu sinh được đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.

3. Quy định về đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn:

a) Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án tối thiểu là 05 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của ít nhất 02 nhà khoa học ngoài cơ sở đào tạo. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường;

b) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án);

c) Những người không được tham gia đánh giá luận án: người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) của nghiên cứu sinh, cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, đồng tác giả

với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án (ngoại trừ tập thể cán bộ hướng dẫn);

d) Luận án được gửi đến các thành viên Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án;

đ) Đại diện tập thể cán bộ hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn với tư cách là ủy viên;

e) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn trong trường hợp vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký, vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án hoặc vắng mặt từ 02 thành viên Hội đồng trở lên;

g) Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh, chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung;

h) Toàn bộ diễn biến, nội dung của các phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết.

i. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), đơn vị chuyên môn đề xuất Hiệu trưởng quyết định thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

k. Sau khi luận án được Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn tán thành, trong thời gian không quá 60 ngày làm việc, nghiên cứu sinh hoàn thiện luận án để tiến hành lấy ý kiến phản biện độc lập luận án. Cán bộ hướng dẫn, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo bổ sung, sửa chữa của nghiên cứu sinh.

Điều 14. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá cấp Trường. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ngoài cơ sở đào tạo, ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ; đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn chính quy định tại Điều 27 của Quy định này, đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh;

b) Không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Phòng Sau đại học gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp có 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Phòng Sau đại học yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Phản biện độc lập gửi nhận xét luận án trong thời hạn theo thư mời phản biện. Sau 30 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn, nếu không nhận được bản nhận xét luận án, Nhà trường có thể mời phản biện độc lập khác thay thế.

5. Cho đến khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của cơ sở đào tạo; đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập; các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, không tiếp xúc với nghiên cứu sinh hay người hướng dẫn.

6. Thời gian thực hiện phản biện độc lập trong vòng 06 tháng tính từ ngày nghiên cứu sinh nộp đầy đủ các hồ sơ để phản biện độc lập theo quy định của cơ sở đào tạo; trong trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến 03 phản biện độc lập hoặc lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

7. Điều kiện được thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế:

a) Đối với phương thức 1: nghiên cứu sinh đáp ứng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 5 của Quy định này;

b) Đối với phương thức 2: nghiên cứu sinh là tác giả chính của tối thiểu 03 bài báo khoa học trong đó có tối thiểu 02 bài đăng trên tạp chí WoS/Scopus;

c) Đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án trên cơ sở đề xuất của hội đồng hoặc trưởng bộ môn. Hiệu trưởng xem xét thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế của nghiên cứu sinh và báo cáo ĐHQG-HCM.

Điều 15. Điều kiện đề nghị đánh giá luận án cấp Trường

1. Luận án của nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị đưa ra đánh giá ở cấp Trường.

2. Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập theo quy định tại Điều 14 của Quy định này tán thành (ngoại trừ các trường hợp được thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế).

Điều 16. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

1. Số lượng thành viên Hội đồng: Hội đồng gồm tối thiểu 05 thành viên; trong đó số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học không quá 02 người, số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 02 người.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 02 phản biện đối với Hội đồng 05 thành viên, hoặc 03 phản biện đối với Hội đồng trên 05 thành viên và các ủy viên; trong đó có 01 phản biện là

người của cơ sở đào tạo, các phản biện còn lại là người thuộc các đơn vị khác nhau ngoài cơ sở đào tạo.

3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Thành viên Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 26. Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng (trừ thư ký Hội đồng) như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 27 của Quy định này;

b) Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh; chủ tịch Hội đồng và các phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công trình công bố có liên quan đến luận án.

4. Những người không được tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường: người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) của nghiên cứu sinh, cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh.

5. Đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường với tư cách là ủy viên.

Điều 17. Đánh giá luận án cấp Trường

1. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh hoàn thiện quy trình phản biện độc lập, Phòng Sau đại học tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cấp Trường đảm bảo những quy định sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi bảo vệ luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và ĐHQG-HCM (trừ trường hợp bảo vệ luận án theo chế độ mật);

b) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường khi thành viên Hội đồng vắng mặt 01 người, trường hợp Hội đồng 05 thành viên; hoặc vắng mặt quá 01 người, trường hợp Hội đồng hơn 05 thành viên; hoặc vắng mặt chủ tịch; hoặc vắng mặt thư ký;

c) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án bỏ phiếu không tán thành;

d) Hội đồng có quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua;

đ) Diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết.

2. Đánh giá luận án trực tuyến, tổ chức đánh giá luận án trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác: áp dụng theo các quy định hiện hành của Trường và ĐHQG-HCM.

3. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

4. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, cán bộ hướng dẫn, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản

báo cáo bổ sung, sửa chữa của nghiên cứu sinh để lưu tại Trường. Thời gian để nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa và nộp luận án cho các thư viện tối đa là 60 ngày kể từ ngày bảo vệ.

Điều 18. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì đơn vị chuyên môn phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Hiệu trưởng kèm theo minh chứng và phải được ĐHQG-HCM đồng ý bằng văn bản.

2. Nghiên cứu sinh thực hiện những luận án có đề tài được xác định là mật phải thực hiện những quy định và nhiệm vụ chung trừ quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 17 của Quy định này. Các yêu cầu về công bố khoa học của nghiên cứu sinh có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được đơn vị chuyên môn xác nhận.

Điều 19. Đánh giá lại luận án ở cấp Trường

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và Phòng Sau đại học tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai. Không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

Chương V

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 20. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. ĐHQG-HCM thẩm định ngẫu nhiên trong danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án theo báo cáo của cơ sở đào tạo.

2. ĐHQG-HCM thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Thẩm định theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 21. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

- a) Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh;
- b) Hồ sơ bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo;
- c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;
- d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định chất lượng luận án

- a) Luận án tiến sĩ;
- b) Tóm tắt luận án;
- c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 22. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo đến cơ sở đào tạo danh sách những trường hợp cần thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ sở đào tạo theo quy định tại Điều 21 của Quy định này, ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định, minh chứng đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và quy định của cơ sở đào tạo.

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu 02 trong 03 ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định quy định tại điểm a khoản này thì ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, ủy quyền cơ sở đào tạo tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 23. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Quy định này.

2. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

5. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

6. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, cơ sở đào tạo tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, có sự tham dự của đại diện ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của 02 Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện,

thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

Điều 24. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung nội dung luận án theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định. Nghiên cứu sinh nộp lại bản luận án đã chỉnh sửa, hiệu đính kèm công văn của cơ sở đào tạo gửi cho các thư viện để thay thế cho bản luận án đã nộp lưu chiểu (với các trường hợp đã gửi luận án cho các thư viện).

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai theo quy định tại Điều 19 của Quy định này trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì cơ sở đào tạo xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Quy định này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở đào tạo bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình. Nếu nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, cơ sở đào tạo cho phép nghiên cứu sinh bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có). Trường hợp quá trình đào tạo có sai sót nghiêm trọng dẫn đến nghiên cứu sinh không đáp ứng được điều kiện dự tuyển và công nhận nghiên cứu sinh hoặc vi phạm quy định trong quá trình học tập, cơ sở đào tạo quyết định hủy kết quả học tập của nghiên cứu sinh, xử lý theo quy định tại Điều 32 Quy định này.

4. Trong thời gian tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, cơ sở đào tạo có văn bản báo cáo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 25. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho Trường (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận của chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện của Trường (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của cơ sở đào tạo;

d) Cơ sở đào tạo đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng tính đến thời điểm xét cấp bằng tiến sĩ;

đ) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Điều 20 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định.

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp Trường;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường đồng ý thông qua luận án;

c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng;

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;

đ) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện của Trường;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án, nội dung luận án trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo (trừ những luận án được bảo vệ theo chế độ mật);

h) Các tài liệu khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Sau khi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 25, Hiệu trưởng quyết định công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh. Nhà trường thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương VI

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN CỦA CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 26. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo. Đối với cán bộ hướng dẫn thực hành hoặc trợ giảng các học phần thuộc các ngành đặc thù có bằng thạc sĩ phải được thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, đề nghị và trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

3. Trách nhiệm và quyền của giảng viên thực hiện theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018 và những quy định sau:

a) Đảm bảo tuân thủ kế hoạch giảng dạy đã công bố;

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

Điều 27. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn chung của người hướng dẫn: đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 26 của Quy định này; trường hợp người hướng dẫn là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài thì phải có thỏa thuận về việc hướng dẫn nghiên cứu sinh với cơ sở đào tạo.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành, hoặc bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN, ISSN; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo trong ĐHQG-HCM hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật, với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập

tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh. Đối với người hướng dẫn có nhiều công trình khoa học (là tác giả chính có từ 03 công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí WoS/Scopus mỗi năm, liên tục trong 03 năm gần nhất), có các đề tài hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh, cơ sở đào tạo có thể xem xét tăng số lượng nghiên cứu sinh được hướng dẫn và báo cáo ĐHQG-HCM, nhưng không quá 50% số nghiên cứu sinh tối đa được hướng dẫn.

5. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

b) Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuẩn bị bài luận hoặc đề cương nghiên cứu trong quá trình đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ và tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu nếu nghiên cứu sinh trúng tuyển;

c) Hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

d) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và cấp Trường nếu luận án đã đáp ứng những quy định của Quy định này;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

Điều 28. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

2. Được đề nghị đơn vị chuyên môn, Nhà trường xem xét: điều chỉnh tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo, tổ chức đánh giá luận án;

3. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án;

4. Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải công bố hoặc được chấp nhận công bố các bài báo khoa học theo quy định (nghiên cứu sinh là tác giả chính: tác giả đứng tên đầu, tác giả liên hệ (corresponding author); có ghi tên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh); các bài báo khoa học này phải được thông qua và được tập thể cán bộ hướng dẫn chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài;

5. Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại cơ sở đào tạo theo sự phân công của đơn vị chuyên môn;

6. Đầu khóa học, nghiên cứu sinh phải nộp báo cáo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa cho đơn vị chuyên môn và Phòng Sau đại học; đầu mỗi năm học, nghiên cứu sinh phải nộp đề cương học tập năm học mới cho đơn vị chuyên môn, bao gồm: báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu (những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu; tình hình công bố kết quả nghiên cứu); kế hoạch học tập, nghiên cứu trong năm học mới để đơn vị chuyên môn xem xét đánh giá;

7. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp Trường trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học;

8. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của đơn vị chuyên môn, của Trường và quy định của pháp luật.

Điều 29. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị chuyên môn

1. Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh;

2. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh, để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh tham gia giảng dạy, tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học, đưa nghiên cứu sinh đi thực hành, thực tập;

3. Quy định lịch báo cáo định kỳ ít nhất hai lần một năm để nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu; trao đổi với tập thể cán bộ hướng dẫn để nắm tình hình học tập, tiến độ nghiên cứu, kết quả đào tạo và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập và nghiên cứu đối với từng nghiên cứu sinh;

4. Đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc điều chỉnh đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh;

5. Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ sáu tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh thông qua Phòng Sau đại học;

6. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp đơn vị chuyên môn, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường trên cơ sở đánh giá của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn;

7. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các ngành được phép đào tạo; tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt;

8. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 30. Nhiệm vụ của các đơn vị liên quan

1. Phòng Quản trị Thiết bị tạo điều kiện về thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh như đối với cán bộ khoa học của cơ sở đào tạo.

2. Phòng Đối ngoại và Quản lý khoa học tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế, thực hiện xuất bản các ấn phẩm nghiên cứu khoa học theo quy định của Trường.

3. Phòng Thanh tra Pháp chế và Sở hữu trí tuệ tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHQG-HCM và các quy định của Quy định này trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Phòng Sau đại học quản lý điểm các học phần, cấp bằng điểm học tập/phụ lục văn bằng cho nghiên cứu sinh; tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường theo quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ do ĐHQG-HCM ban hành và quy định này; quản lý trang thông tin điện tử phục vụ công tác đào tạo trình độ tiến sĩ đảm bảo công bố công khai, cập nhật và duy trì thường xuyên thông tin về các luận án tiến sĩ (tóm tắt luận án bằng tiếng Việt, giới thiệu luận án bằng tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách nghiên cứu sinh hằng năm; các đề tài luận án đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo ĐHQG-HCM danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trong 02 tháng trước đó; thực hiện báo cáo định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm và đột xuất theo yêu cầu;

b) Thực hiện các báo cáo liên quan theo quy định của ĐHQG-HCM và Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và pháp luật liên quan;

5. Phòng Công tác sinh viên quản lý hành chính đối với nghiên cứu sinh, cấp các loại giấy tờ; chủ trì xét hồ sơ ứng viên tham gia học bổng và thực hiện cấp học bổng cho nghiên cứu sinh; nhập số hiệu văn bằng trên phụ lục văn bằng, quản lý việc in và cấp bằng tiến sĩ theo quy định.

6. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

7. Thư viện Trường đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Thư viện sau khi nghiên cứu sinh nộp luận án đã chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

Chương VII

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Thanh tra, kiểm tra

1. Phòng Thanh tra Pháp chế và Sở hữu trí tuệ thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ sở đào tạo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Trường thông báo bằng văn bản tới các đơn vị và cá nhân có liên quan.

3. Phòng Thanh tra Pháp chế và Sở hữu trí tuệ tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án và cấp bằng tiến sĩ; triển khai các biện pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện được nêu trong kết luận thanh tra, kiểm tra; báo cáo Hiệu trưởng kết quả thực hiện theo kết luận thanh tra, kiểm tra.

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân thuộc Trường, nghiên cứu sinh, giảng viên, người hướng dẫn vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học chương trình đào tạo tiến sĩ trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại Điều 2;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của cơ sở đào tạo ở mức độ buộc thôi học.

3. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận nghiên cứu sinh và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại cơ sở đào tạo;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy định này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Điều 24 Quy định này.

4. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định này áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023.

2. Đối với các khóa tuyển sinh trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, đơn vị chuyên môn thực hiện theo Quy định tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 951/QĐ-XHNV-SĐH ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV.

3. Đơn vị chuyên môn quyết định và đề xuất Hiệu trưởng việc áp dụng điều kiện được thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế theo khoản 7 Điều 14 của Quy định này đối với khóa tuyển sinh trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị chuyên môn tổ chức xây dựng chương trình đào tạo theo Quy định này, trình Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi tổ chức đào tạo.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Hiệu trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này. /

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 373/QĐ-XHNV-SĐH ngày 03 tháng 4 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA
CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Từ tháng năm đến tháng năm

Họ và tên nghiên cứu sinh:.....

Ngành: mã số:

Theo quyết công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển số:/.....
ngày/...../..... của Trường ĐH KHXX&NV, ĐHQG-HCM.

Cán bộ hướng dẫn khoa học:.....

Thời gian đào tạo từ năm: đến năm.....

Tên đề tài luận án theo quyết định giao đề tài và công nhận cán bộ hướng dẫn:

Tên đề tài / cán bộ hướng dẫn đã điều chỉnh (nếu có):.....

I. Học phần tiến sĩ

Các học phần thuộc chương trình cao học đối với trường hợp dự tuyển từ cử nhân (thời gian học tập, kết quả dự kiến):

Các học phần tiến sĩ (thời gian học tập, kết quả dự kiến):.....

Tiểu luận tổng quan (tên tiểu luận tổng quan, thời gian thực hiện, kết quả dự kiến):

Các chuyên đề tiến sĩ (tên chuyên đề, thời gian thực hiện, kết quả dự kiến):

Công việc khác:
.....
.....

II. Luận án và nghiên cứu khoa học

Thực hiện đề tài luận án (thời gian, nội dung, công việc thực hiện, kết quả dự kiến):
.....
.....

Viết bài công bố khoa học (tên bài viết, nơi công bố):
.....
.....

Sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn:
.....
.....

Công việc khác:
.....
.....

Cán bộ hướng dẫn
(Ký tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký tên)

Xác nhận của đơn vị chuyên môn

Phụ lục II

HÌNH THỨC VÀ CẤU TRÚC LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Kèm theo Quyết định số 373/QĐ-XHNV-SĐH ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

1. Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã UNICODE, in một mặt, giãn dòng 1.5, tối đa 200 trang.
2. Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.
3. Cấu trúc trình bày của luận án gồm các nội dung sau:
 - a) Trang bìa luận án tiếng Việt;
 - b) Trang bìa luận án tiếng Anh;
 - c) Thông tin chung (nếu có);
 - d) Lời cảm ơn;
 - đ) Lời cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh;
 - e) Tóm tắt, giới thiệu;
 - g) Mục lục;
 - h) Danh mục các hình, biểu đồ;
 - i) Danh mục các bảng số liệu;
 - k) Danh mục các từ viết tắt (nếu có);
 - l) Bảng chú thích thuật ngữ (nếu có);
 - m) Mở đầu: giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;
 - n) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;
 - o) Phương pháp nghiên cứu: cơ sở lý thuyết, lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu;
 - p) Kết quả nghiên cứu và phân tích, đánh giá, thảo luận;
 - q) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
 - r) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo Quy định trích dẫn và chống đạo văn ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-XHNV-TTPC-SHTT ngày 20/01/2020 của Trường ĐH KHXH&NV;
 - s) Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
 - t) Phụ lục (nếu có).

MẪU BÌA NGOÀI LUẬN ÁN (khổ 19 x 27)

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**



Họ và tên tác giả luận án

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(ghi ngành của học vị được công nhận)

Tên thành phố - Năm

MẪU BÌA TRONG LUẬN ÁN (khổ 19 x 27)

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Họ và tên tác giả luận án

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Ngành :

Mã số :

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(ghi ngành của học vị được công nhận)

Người hướng dẫn khoa học:

**Người phản biện độc lập: 1.
2.**

**Người phản biện: 1.
2.
3.**

Tên thành phố - Năm



Phụ lục III

HÌNH THỨC TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Kèm theo Quyết định số 373/QĐ-XHNV-SDH ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

Tóm tắt luận án tiến sĩ được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 11, mã UNICODE, in 02 mặt, không dẫn dòng, 24 trang.

MẪU BÌA NGOÀI TÓM TẮT LUẬN ÁN (khổ 14 x 20)

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Họ và tên tác giả luận án

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(ghi ngành của học vị được công nhận)

Tên thành phố - Năm

MẪU BÌA TRONG TÓM TẮT LUẬN ÁN (khổ 14 x 20)

Công trình được hoàn thành tại:

.....

Người hướng dẫn khoa học:

Người phản biện độc lập: 1.

2.

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường tại:
vào hồi giờ ngày tháng
..... năm

Người phản biện: 1.

2.

3.

Bạn đọc có thể tìm hiểu luận án tại thư
viện:

.....

(ghi tên các thư viện nộp luận án)

Phụ lục IV

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 373/QĐ-XHNV-SĐH ngày 03 tháng 4 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

1. Chủ tịch

- Công bố thành phần Hội đồng có mặt và các điều kiện đảm bảo để Hội đồng có thể làm việc.
- Điều hành buổi bảo vệ theo chương trình đánh giá luận án của Trường.
- Có bản nhận xét luận án và nêu câu hỏi (nếu có) để kiểm tra kiến thức và khả năng nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh.
- Phát biểu ý kiến về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những thiếu sót cần bổ sung và sửa chữa.
- Tham dự phiên họp riêng để bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín và thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng.
- Hoàn thiện và công bố quyết nghị của Hội đồng tại buổi bảo vệ sau khi có kết quả đánh giá.
- Ký các văn bản trong hồ sơ bảo vệ luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.
- Xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo quyết nghị của Hội đồng.

2. Thư ký

- Thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học, bảng điểm và các chứng chỉ đã có của nghiên cứu sinh, khẳng định các chứng chỉ này đảm bảo đầy đủ chương trình đào tạo nghiên cứu sinh.
- Gửi các văn bản liên quan trong hồ sơ bảo vệ luận án tiến sĩ đến các thành viên Hội đồng.
- Ghi ghi đầy đủ thông tin, diễn biến cuộc họp vào biên bản cuộc họp, biên bản ghi câu hỏi và trả lời, quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án.
- Có bản nhận xét luận án và nêu câu hỏi (nếu có) để kiểm tra kiến thức và khả năng nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh.
- Phát biểu ý kiến về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những thiếu sót cần bổ sung và sửa chữa.
- Tham dự phiên họp riêng để bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín và thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng.
- Tham gia ban kiểm phiếu, công bố kết quả xếp loại luận án theo kết quả bỏ phiếu.
- Ký và kiểm tra, hoàn thiện các văn bản trong hồ sơ bảo vệ luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

3. Phản biện

- Đọc bản nhận xét về nội dung, chất lượng, hình thức của luận án tiến sĩ đồng thời nêu câu hỏi để kiểm tra kiến thức và khả năng nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh.

- Phát biểu ý kiến về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những thiếu sót cần bổ sung và sửa chữa.

- Tham dự phiên họp riêng để bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín và thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng.

- Ký các văn bản trong hồ sơ bảo vệ luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

4. Ủy viên

- Có bản nhận xét luận án và nêu câu hỏi (nếu có) để kiểm tra kiến thức và khả năng nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh.

- Phát biểu ý kiến về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những thiếu sót cần bổ sung và sửa chữa.

- Tham dự phiên họp riêng để bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín và thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng.

- Ký các văn bản trong hồ sơ bảo vệ luận án tiến sĩ của NCS. 